

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2017/HS-ST
Ngày: 31-7-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Vẹn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lực - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2017/HSST, ngày 21 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

- Phạm Văn M sinh năm 1970 tại huyện C, tỉnh Đ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh L ; số CMND 301099412; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Văn R (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim D (đã chết); anh chị em ruột có 05 người: Lớn nhất 52 tuổi, nhỏ nhất là bị cáo; có vợ tên Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1972, nghề nghiệp: Nấu rượu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Long An và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo tại ngoại điều tra đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông Lưu Ngọc D (con ruột của người bị hại - Bà Lý Thị M), sinh năm 1967, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đường H, khu phố 2, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại bản cáo trạng số 12/QĐ.KSĐT ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã K để xét xử bị cáo Phạm Văn M về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn M bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã K truy tố như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24 tháng 02 năm 2017, Phạm Văn M, sinh năm 1970; ngụ ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Long An điều khiển xe mô tô biển số 62D1 - 044.52 lưu thông trên đường H hướng từ phường 1 sang phường 3, thị xã K. Khi M chạy đến gần dốc cầu H thuộc khu phố 2, phường 1, thị xã K do M thiếu quan sát nên đụng vào người đi bộ cùng chiều đang đi qua đường. Hậu quả tai nạn làm bà Lý Thị M, sinh năm 1946; ngụ khu phố 2, phường 1, thị xã K tử vong tại bệnh viện; hỏng nhẹ 01 xe mô tô của M.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 14 giờ 50 phút, ngày 24 tháng 02 năm 2017 xác định như sau: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là ngã ba giao lộ giữa đường H và đường L. Sau tai nạn toàn bộ phương tiện, dấu vết nằm trên đường H thuộc khu phố 2, phường 1, thị xã K. Đường H có chiều rộng là 13,3m, đoạn đường thẳng, phẳng, được trải bê tông nhựa, có vạch kẻ đường đôi chia mặt đường thành hai phần đường riêng biệt, có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, đoạn đường cho phép hai chiều xe lưu thông.

Vị trí phương tiện, dấu vết được đánh số thứ tự theo số tự nhiên từ (1) đến (5), trong đó: số (1) là vết phanh; số (2) là vết cày; số (3) là xe mô tô biển số 62D1 - 044.52; số (4) là vết máu; số (5) là mố cầu H.

Điểm mốc cố định: Là mố cầu H nằm phía bên phải theo hướng đi từ phường 1 đến phường 3, thuộc khu phố 2, phường 1, thị xã K. Mép đường chuẩn là mép đường bên phải của đường H theo hướng đi từ phường 1 sang phường 3, thuộc khu phố 2, phường 1, thị xã K.

Số (1): Vị trí vết phanh của xe mô tô biển số 62D1 - 044.52 dài 3,35m, rộng 0,02m, được hình thành theo hướng đi từ phường 1 đến phường 3. Điểm đầu số (1) cách mép đường chuẩn là 5,76m, điểm cuối số (1) cách mép đường chuẩn là 5,75m và cách điểm đầu số (2) là 2,4m.

Số (2): Vị trí vết cày của xe mô tô biển số 62D1 - 044.52 dài 3,65m, rộng 0,01m, được hình thành theo hướng đi từ phường 1 đến phường 3. Điểm đầu số (2) cách mép đường chuẩn là 5,7m và cách điểm cuối số (1) là 2,4m. Điểm cuối số (2) nằm ngay vị trí gát chân trước bên phải của xe mô tô biển số 62D1 - 044.52.

Số (3): Vị trí xe mô tô biển số 62D1 - 044.52 bị ngã sau tai nạn, xe ngã về bên phải, đầu xe hướng về phường 3, đuôi xe hướng về phường 1. Tâm trục bánh xe trước cách mép đường chuẩn là 6,6m, cách tâm vị trí số (4) là 2m. Tâm trục bánh sau cách mép đường chuẩn là 6m.

Số (4): Vị trí vết máu có kích thước 0,25m x 0,2m, không rõ hình dạng, tâm vết máu cách mép đường chuẩn là 6,9m và cách tâm trục bánh xe trước của số (3) là 2m, cách mố cầu H vị trí số (5) là 12,2m.

Số (5): Là mố cầu H được xác định là điểm mốc cố định.

Biên bản khám xe mô tô biển số 62D1 - 044.52 hồi 15 giờ 10 phút, ngày 24 tháng 02 năm 2017 có các dấu vết sau: Miếng ốp cao su của đầu tay cầm bên phải bị mài mòn; ba ga mũi (trước) bị cong từ dưới lên trên; mép vệ chấn bunn bên phải phía trước của bánh xe trước bị trầy xước; miếng ốp bộ phận giảm sóc (thanh phuộc) bên phải bị trầy xước; bộ phận giảm sóc (thanh phuộc) bên trái bị trầy xước dài 7cm, rộng 0,5cm; gát chân trước bên phải bị cong từ trước ra sau, đầu gát chân bị mài mòn.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 41/TT ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Long An kết luận Lý Thị M như sau: Dấu hiệu chính qua giám định tai nạn giao thông đường bộ tại đường H thuộc khu phố 2, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An; sưng nề to vùng cằm; vết nứt sọ não vùng đỉnh - cằm. Nguyên nhân chết, nạn nhân Lý Thị M, sinh năm 1946, ngụ khu phố 2, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An tử vong do chấn thương sọ não nặng + vết thương nhiều nơi do tai nạn giao thông được thể hiện tại các bút lục số 26 đến 30, 44 đến 45, 48 đến 62.

Qua điều tra M thừa nhận do thiếu quan sát trong lúc điều khiển xe mô tô nên không nhìn thấy bà Lý Thị M đi bộ cùng chiều qua đường dẫn đến gây tai nạn. Ngoài ra M còn khai rằng vào năm 1996 có thi và được cấp giấy phép lái xe hạng A1 nhưng do khai sai chữ lót từ Phạm Văn M thành Phạm Hoàng M và giấy thì đã mất, hồ sơ bị cháy. Vào năm 2012, M gặp người đàn ông không quen biết tại thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An không có thi mà làm cho M hồ sơ và giấy phép lái xe hạng A1 khác với giá 2.000.000 đồng. Hiện nay giấy phép lái xe cũng bị mất. Qua xác M tại Sở giao thông vận tải tỉnh Long An xác định vào ngày 22 tháng 12 năm 1996 có cấp giấy phép lái xe hạng A1 số D665056 cho ông Phạm Hoàng M, sinh năm 1970, nơi cư trú tại xã Vĩnh Trị, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Ngày 27 tháng 4 năm 2017 ông M đến Sở giao thông vận tải Long An làm thủ tục mất giấy phép lái xe nêu trên, đồng thời đề nghị điều chỉnh chữ lót trên giấy phép lái xe từ tên Phạm Hoàng M thành Phạm Văn M theo giấy khai sinh và chứng M nhân dân. Sở giao thông vận tải tỉnh Long An đã nhận hồ sơ và hẹn đến ngày 06 tháng 7 năm 2017 sẽ cấp lại giấy phép lái xe mới hạng A1 và điều chỉnh tên Phạm Hoàng M thành tên Phạm Văn M được thể hiện tại các bút lục số 71 đến 75.

Về tang vật: Cơ quan điều tra thu giữ 01 xe mô tô biển số 62D1 - 044.52 của M. Ngày 05 tháng 6 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã trao trả xe mô tô trên cho M được thể hiện tại các bút lục số 90, 91.

Về dân sự: Giữa M và gia đình nạn nhân Lý Thị M đã thỏa thuận khắc phục các khoản chi phí mai táng 35.000.000 đồng. Ông Lưu Ngọc D là người đại diện hợp pháp của gia đình nạn nhân đã nhận 35.000.000 đồng và có đơn bãi

nại không yêu cầu xử lý vụ việc trên được thể hiện tại các bút lục số 68, 77 đến 81.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tấn Lực - Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã K đề nghị áp dụng đối với bị cáo M như sau:

Về hành vi: Tuyên bố bị cáo M đã phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 202; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 33, 45, 60 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo M từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Về tang vật, vật chứng: Theo biên bản về việc trả tài sản ngày 05 tháng 06 năm 2017 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã giao trả lại bị cáo M là phù hợp nên không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 202 của Bộ luật hình sự, thì hành vi phạm tội của bị cáo M còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Nhưng xét thấy bị cáo M không có chức vụ gì mà chỉ hành nghề buôn bán nhỏ, thu nhập không ổn định nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo M.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo M đã thương lượng thống nhất khắc phục các khoản chi phí mai táng cho người bị hại là 35.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của người bị hại đã nhận đủ 35.000.000 đồng. Đồng thời, người đại diện hợp pháp của người bị hại đã làm đơn bãi nại, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Tại phiên tòa, bị cáo M thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo M thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo M ra Tòa án để xét xử về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” là đúng người, đúng tội, không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo M phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Nguyên nhân dẫn đến tai nạn là do bị cáo M thiếu quan sát để đảm bảo an toàn nên xe mô tô của bị cáo đụng vào người bị hại đang đi bộ, làm chết người, gây hậu quả nghiêm trọng và bị cáo M thừa nhận lỗi chính thuộc về bị cáo M. Mặt khác, bị cáo M biết và pháp luật buộc bị cáo phải biết khi tham gia giao thông phải tuyệt đối tuân theo các quy định về luật giao thông đường bộ.

Thế nhưng bị cáo M điều khiển phương tiện giao thông thiếu quan sát để đảm bảo an toàn cho người đi bộ là vi phạm vào khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Hành vi của bị cáo M không những xâm hại trực tiếp đến tình trạng hoạt động bình thường của trật tự quản lý giao thông của Nhà nước mà còn gây mất trật tự và an toàn giao thông tại địa phương. Như vậy đã có đầy đủ căn cứ pháp lý để kết luận rằng hành vi của bị cáo M đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo M ra Tòa là có căn, đúng quy định pháp luật.

[4] Bị cáo M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, mà có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bồi thường, khắc phục thiệt hại chi phí mai táng cho gia đình người bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo M thuộc thành phần lao động nghèo, được gia đình người bị hại bãi nại, bản thân chưa có tiền án, tiền sự đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Bị cáo M có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng và xét thấy nếu không bắt bị cáo M đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội hoặc không gây ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Mặt khác, bị cáo M có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật hình sự và mục 6 của Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó không cần cách ly bị cáo M khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội

[5] Về tang chứng, vật chứng thu giữ: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã xử lý và trả lại cho bị cáo M một xe mô tô biển số 62D1 -044.52, nhãn hiệu Boss, M nêu là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo M không có giữ chức vụ gì mà sống nghề buôn bán nhỏ, thu nhập không ổn định nên Viện kiểm sát đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo M là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án giữa bị cáo M với gia đình người bị hại đã thương lượng thỏa thuận, thống nhất bồi thường thiệt hại xong. Đồng thời, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu bị cáo M bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Áp dụng các Điều 98, 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 3, 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo M phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

[9] Từ những nhận xét nêu trên cũng như qua tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố thì các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng quy định. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn M đã phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 202; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33, 45, 60 của Bộ luật hình sự; mục 6 của Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo Phạm Văn M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn M về chính quyền địa phương nơi bị cáo Phạm Văn M thường trú để giám sát và giáo dục. Hiện tại bị cáo Phạm Văn M thường trú tại ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Long An.

Trong trường hợp bị cáo Phạm Văn M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng các Điều 98, 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 3, 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người đại diện hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Đội CSTHAHS và HTTP Công an thị xã K;
- Thi hành án phạt tù;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Ngô Thị Kim Diệu**

